

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Canon Việt Nam tại Văn bản số CVN/ENV-TL/03-24 ngày 23/03/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Công ty TNHH Canon Việt Nam – Trụ sở Nhà máy Thăng Long” và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Xây dựng và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Canon Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: Lô A1, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: “Công ty TNHH Canon Việt Nam – Trụ sở Nhà máy Thăng Long” tại Lô A-1, A-2, A-3, A-4 và một phần Lô A-5, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Công ty TNHH Canon Việt Nam - Trụ sở Nhà máy Thăng Long”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A-1,A-2,A-3,A-4 và một phần lô A-5, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0101125340 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 07/07/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08/02/2023.

1.4. Mã số thuế: 0101125340.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất máy in đa chức năng và máy in đơn chức năng (Single function printer, Mutil function printer).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích đất sử dụng: 200.000 m².

- Nhóm dự án: Cơ sở tương đương dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở tương đương dự án nhóm I (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất cơ sở:

+ Máy in đa chức năng (MFP): 8.500.000 chiếc/năm.

+ Máy in đơn chức năng (SFP): 7.200.000 chiếc/năm.

- Quy trình sản xuất của cơ sở:

+ Quy trình chính: Khu vực gia công [(Nhựa → Đổ khuôn → Lắp ráp) → (Vật liệu kim loại → Ép nén → Lắp ráp)]; Khu vực lắp ráp [(Các linh kiện nhựa, Linh kiện kim loại và các linh kiện khác → Lắp ráp)] → Sản phẩm.

+ Quy trình chi tiết:

++ Quy trình đổ khuôn nhựa: Nguyên liệu hạt nhựa → Sấy khô → Máy ép phun → Làm nguội và gia công → Kiểm tra → Đóng gói → Linh kiện chuyển sang khu vực lắp ráp.

++ Quy trình dập linh kiện kim loại: Thép kim loại → Dây chuyền dập liên hợp (nấn, cấp liệu, dập) → Gò → Dập → Kiểm tra → Đóng gói → Linh kiện kim loại chuyển sang lắp ráp.

++ Quy trình sản xuất hệ thống cảm ứng hình ảnh: Linh kiện điện tử → Đúc

khuôn → Dây nối → Phủ vi mạch → Lắp ráp → Kiểm tra → Linh kiện chuyển sang dây chuyền lắp ráp.

++ Quy trình lắp ráp máy in phun: Linh kiện → Lắp ráp cục bộ → Lắp ráp giai đoạn cuối máy in → Kiểm tra → Đóng gói → Đóng lô → Xuất xưởng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Canon Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, các cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Đông Anh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền | (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội | (để ph/h);
- UBND huyện Đông Anh
- Trưởng ban (để b/c);
- Phòng CSTT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long;
- Công ty TNHH Canon Việt Nam;
- Phòng HTĐT, QLDN (để ph/h);
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đinh Trần Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-CNCCN ngày..... tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải phát sinh tại Cơ sở của Công ty TNHH Canon Việt Nam sau khi qua xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 600m³/ngày.đêm, được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long; không xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Chủ cơ sở đã có thỏa thuận đầu nối và ký Hợp đồng thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt với Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long (là chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 600m³/ngày.đêm cụ thể như sau:

+ Nguồn số 1: Nước thải từ nhà vệ sinh công nhân viên làm việc tại nhà máy được thu gom qua các bể trung chuyển (11 bể trung chuyển) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 600m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ căng tin bếp ăn của công nhân viên tại nhà máy (02 căng tin bếp ăn) được thu gom về các bể tách mỡ (07 bể trung chuyển) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 600m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 3: Nước thải từ máy giặt (găng tay, quần áo không chứa hoá chất) được thu gom qua các bể trung chuyển (02 bể trung chuyển) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 600m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 4: Nước ngưng từ hệ thống điều hoà trung tâm được thu gom qua các bể trung chuyển → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 600m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 5: Nước thải từ hệ thống lọc RO được thu gom qua bể trung chuyển → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 600m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 600m³/ngày.đêm → Đường ống BTCT D150 → Đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thăng Long (qua 01 điểm đầu nối, tọa độ: X=2 336 317; Y=580 789 theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tách cặn → Bể điều hoà → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long.

- Công suất hệ thống: 600m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, Polymer cho xử lý bùn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nối; bố trí nhân viên có chuyên môn phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nứt vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải; trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ mài mòn, thường xuyên bị hư hỏng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố. Khi sự cố xảy ra, không xả nước thải ra môi trường và kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục; trong trường hợp không thể khắc phục sự cố, báo cáo với Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và thuê đơn vị đủ chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 600m³/ngày.đêm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp Giấy xác nhận số 277/STNMT-CCMT ngày 03/09/2013 về việc hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án “Trạm xử lý nước thải nhà máy Canon 04/Công suất 600 m³/ngày.đêm”).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Thăng Long, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long để tiếp tục xử lý.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ

nguồn lực, thiết bị, hoá chất vận hành hiệu quả hệ thống xử lý sơ bộ và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.4. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-CNCCN ngày..... tháng 5 năm 2025
của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ chuyên in nằm trong xưởng lắp ráp máy in.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực đổ khuôn nhựa.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ khu vực đúc khuôn, phủ vi mạch, lắp ráp nằm trong khu vực sản xuất thiết bị cảm biến hình ảnh.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ khu vực trộn mực, in thử, bàn thao tác nằm trong khu vực sản xuất thiết bị cảm biến hình ảnh.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 01 (SI-1), toạ độ xả thải: X = 2 336 482; Y = 580 988.
- Dòng khí thải số 02: tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 02 (MO-2), toạ độ xả thải: X = 2 336 350; Y = 580 896.
- Dòng khí thải số 03: tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 03 (CI-1), toạ độ xả thải: X = 2 336 334; Y = 580 855.
- Dòng khí thải số 04: tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi, khí thải từ nguồn số 04 (CI-2), toạ độ xả thải: X = 2 336 421; Y = 580 847.

(Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°)

Tất cả các vị trí xả khí thải của các dòng khí thải đều nằm trong khuôn viên của Cơ sở “Công ty TNHH Canon Việt Nam-Trụ sở Thăng Long”.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 13.350 m³/h.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.480 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của cơ sở.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và QCVN

20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục		
I	Dòng thải số 01						
1	Lưu lượng	m ³ /h	9.000	Không thuộc đối tượng phải thực hiện ⁽³⁾	Không thuộc đối tượng phải thực hiện ⁽³⁾		
2	CO	mg/Nm ³	800 ⁽¹⁾				
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680 ⁽¹⁾				
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	140 ⁽¹⁾				
5	Naphtalen	mg/Nm ³	150 ⁽²⁾				
6	Etylbenzen	mg/Nm ³	870 ⁽²⁾				
7	Xylen	mg/Nm ³	870 ⁽²⁾				
II	Dòng thải số 02						
1	Lưu lượng	m ³ /h	12.000				
2	CO	mg/Nm ³	800 ⁽¹⁾				
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680 ⁽¹⁾				
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	140 ⁽¹⁾				
5	Etylbenzen	mg/Nm ³	870 ⁽²⁾				
6	Styren	mg/Nm ³	100 ⁽²⁾				
7	Axetaldehyt	mg/Nm ³	270 ⁽²⁾				
8	Naphtalen	mg/Nm ³	150 ⁽²⁾				
9	Phenol	mg/Nm ³	19 ⁽²⁾				
10	Toluen	mg/Nm ³	750 ⁽²⁾				
11	Xylen	mg/Nm ³	870 ⁽²⁾				
III	Dòng thải số 03						
1	Lưu lượng	m ³ /h	13.350				
2	CO	mg/Nm ³	800 ⁽¹⁾				
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680 ⁽¹⁾				
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	140 ⁽¹⁾				
5	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	mg/Nm ³	24 ⁽¹⁾				
6	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	mg/Nm ³	8 ⁽¹⁾				
7	n-Propanol	mg/Nm ³	980 ⁽²⁾				

8	n-Hexan	mg/Nm ³	450 ⁽²⁾		
IV	Đòng thải số 04				
1	Lưu lượng	m ³ /h	3.480		
2	CO	mg/Nm ³	800 ⁽¹⁾		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680 ⁽¹⁾		
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	140 ⁽¹⁾		
5	Etylacetat	mg/Nm ³	1.400 ⁽²⁾		
6	Naphtalen	mg/Nm ³	150 ⁽²⁾		
7	Xylen	mg/Nm ³	870 ⁽²⁾		

(1): Giá trị giới hạn áp dụng theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội, với các hệ số $K_p=1,0$ ($P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$) và $K_v=0,7$ (đối với thông số: Bụi tổng), $K_v=0,8$ (đối với thông số Cacbon oxit (CO), Nitơ oxit (NO_x) tính theo NO₂, Kẽm và hợp chất, tính theo Zn, Đồng và hợp chất, tính theo Cu).

(2): Giá trị giới hạn áp dụng theo QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

(3): Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn bụi, khí thải số 01 → Ống nhánh thu gom khí qua các chụp hút (26 ống thu gom → đường ống chung → Quạt hút → Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 01 (ký hiệu SI-1) → Ống thoát khí ra ngoài môi trường.

- Nguồn bụi, khí thải số 02 → Ống nhánh thu gom khí qua các chụp hút (34 ống thu gom) → đường ống chung → Quạt hút → Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 02 (ký hiệu MO-2) → Ống thoát khí ra ngoài môi trường.

- Nguồn bụi, khí thải số 03 → Ống nhánh thu gom khí qua các chụp hút (60 ống thu gom) → đường ống chung → Quạt hút → Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 03 (ký hiệu CI-1) → Ống thoát khí ra ngoài môi trường.

- Nguồn bụi, khí thải số 04 → Ống nhánh thu gom khí qua các chụp hút (14 ống thu gom) → đường ống chung → Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 04 (ký hiệu CI-2) → Quạt hút → Ống thoát khí ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- 03 (ba) Hệ thống xử lý bụi, khí thải của nguồn số 01, 02, 03 có quy trình công nghệ tương tự nhau:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và khí thải → Chụp hút → Quạt hút → Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí → Môi trường.

- 01 (một) Hệ thống xử lý bụi, khí thải của nguồn số 04:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và khí thải → Chụp hút → Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 01 (SI-1): 9.000 m³/giờ.

+ Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 02 (MO-2): 12.000 m³/giờ.

+ Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 03 (CI-1): 13.350 m³/giờ.

+ Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 04 (CI-2): 3.480 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tắm lọc than hoạt tính hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, các thiết bị xử lý và theo dõi thường xuyên quá trình vận hành của hệ thống, thiết bị, thay thế định kỳ các vật liệu, hóa chất tiêu hao, vật liệu cần thay thế theo đúng yêu cầu kỹ thuật, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm ra môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến bắt đầu: tháng 8/2025.

- Thời gian dự kiến kết thúc: tháng 11/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 04 hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 01 (SI-1): 9.000 m³/giờ.

- Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 02 (MOLD-2): 12.000 m³/giờ.

- Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 03 (CI-1): 13.350 m³/giờ.

- Hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính số 04 (CI-2): 3.480 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thoát khí thải theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm Hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm; vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của dự án.

3.4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến cơ quan cấp phép trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình để theo dõi và giám sát. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này, báo cáo về Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội trước khi thực hiện việc thay đổi.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-CNCCN ngày..... tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực Hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khu vực Hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 03: Khu vực dây chuyền lắp ráp máy in.
- Nguồn số 04: Khu vực dây chuyền dập nén kim loại.
- Nguồn số 05: Khu vực dây chuyền đúc nhựa.
- Nguồn số 06: Khu vực dây chuyền sản xuất thiết bị cảm biến hình ảnh.
- Nguồn số 07: Khu vực nghiền.
- Nguồn số 08: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 09: Khu vực lắp máy phát điện (không thường xuyên).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 2 336 364; Y= 580 790.
- Nguồn số 02: bao gồm các vị trí có tọa độ
 - + Hệ thống xử lý khí thải số 01: X= 2 336 482; Y= 580 988.
 - + Hệ thống xử lý khí thải số 02: X= 2 336 350; Y= 580 896.
 - + Hệ thống xử lý khí thải số 03: X= 2 336 334; Y= 580 855.
 - + Hệ thống xử lý khí thải số 04: X= 2 336 421; Y= 580 847.
- Nguồn số 03: bao gồm các vị trí có tọa độ
 - + Vị trí 1 (SI1): X= 2 336 768; Y= 580 821.
 - + Vị trí 2 (SI2): X= 2 336 779; Y= 580 865.
 - + Vị trí 3 (SI3): X= 2 336 564; Y= 580 923.
 - + Vị trí 4 (SI4): X= 2 336 411; Y= 580 991.
 - + Vị trí 5 (SI5): X= 2 336 408; Y= 580 987.
- Nguồn số 04: bao gồm các vị trí có tọa độ
 - + Vị trí 1 (G1): X= 2 336 686; Y= 580 787.
 - + Vị trí 2 (G2): X= 2 336 686; Y= 580 785.
 - + Vị trí 3 (G3): X= 2 336 683; Y= 580 784.
 - + Vị trí 4 (G4): X= 2 336 682; Y= 580 783.

- + Vị trí 5 (G5): X= 2 336 683; Y= 580 784.
- Nguồn số 05: bao gồm các vị trí có tọa độ
- + Vị trí 1 (MO1): X= 2 336 408; Y= 580 988.
- + Vị trí 2 (MO2): X= 2 336 410; Y= 580 991.
- + Vị trí 3 (MO3): X= 2 336 408; Y= 580 988.
- + Vị trí 4 (MO4): X= 2 336 408; Y= 580 990.
- + Vị trí 5 (MO5): X= 2 336 403; Y= 580 985.
- Nguồn số 06: bao gồm các vị trí có tọa độ
- + Vị trí 1 (CIS1): X= 2 336 384; Y= 580 847.
- + Vị trí 2 (CIS2): X= 2 336 371; Y= 580 834.
- + Vị trí 3 (CIS3): X= 2 336 419; Y= 580 820.
- + Vị trí 4 (CIS4): X= 2 336 406; Y= 580 823.
- + Vị trí 5 (CIS5): X= 2 336 399; Y= 580 837.
- Nguồn số 07: Tọa độ X= 2 336 469; Y= 581 010.
- Nguồn số 08: bao gồm các vị trí có tọa độ
- + Vị trí 1 (MN1): X= 2 336 692; Y= 580 798.
- + Vị trí 2 (MN2): X= 2 336 685; Y= 580 789.
- + Vị trí 3 (MN3): X= 2 336 407; Y= 580 982.
- + Vị trí 4 (MN4): X= 2 336 365; Y= 580 852.
- Nguồn số 09: bao gồm các vị trí có tọa độ
- + Vị trí 1 (MP1): X= 2 336 702; Y= 580 816.
- + Vị trí 2 (MP2): X= 2 336 672; Y= 580 914.
- + Vị trí 3 (MP3): X= 2 336 332; Y= 580 801.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-CNCCN ngày..... tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (tấn/tháng)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải, găng tay cao su, bao ngón cao su, linh kiện cao su thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	11,15
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,02
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	0,85
4	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composite)	18 01 04	0,07
5	Hộp chứa mực in	08 02 04	0,88
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	2,81
7	Pin, ắc quy thải khác	19 06 05	0,02
8	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải	17 08 03	0,71
9	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	07 03 11	2,09
10	Cặn sơn, sơn và véc ni thải	08 01 01	0,0001
11	Mực in thải	08 02 01	0,14
12	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	1,39
13	Dầu thải	17 07 03	0,25
14	Dung dịch thải có chứa thành phần nguy hại	19 10 01	1,12
15	Thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại	19 02 06	0,35

16	Các loại sáp và mỡ thải	17 07 04	0,0003
17	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	0,01
18	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ	19 12 03	0,002
19	Các chất CFC, HCFC, HFC thải	17 08 01	0,05
20	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	0,04
Tổng cộng			21,9524

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/tháng)
1	Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế (kim loại, carton, nylon và các loại nhựa khác,...)	917,78
2	Chất thải rắn xử lý thông thường: - Các chi tiết, bộ phận máy in hỏng không chứa thành phần nguy hại: cao su, xốp,... - Các loại phế thải khác: xốp mềm chèn hàng, gỗ vụn, mỡ thải căng tin,...	117,82

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	200,97

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có khả năng chống ăn mòn, không bị phản ứng hoá học với các CTNH; kết cấu chịu va đập, có nắp đậy kín đối với việc chứa CTNH có thành phần nguy hại dễ bay hơi; đối với các thùng chứa chất thải dễ cháy (giẻ lau dính dung môi dễ cháy, mực in thải), được lắp tiếp địa chống cháy nổ.

Các thùng chứa được dán nhãn tên và mã chất thải theo quy định cho từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 01 kho chứa với diện tích 51 m², bố trí bên ngoài khu vực xưởng sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu mái che kín, tường bao quanh, độ cao

nền đảm bảo không bị ngập, mặt sàn khu lưu giữ được thiết kế không rạn nứt, chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hoá học với CTNH, có độ chịu tải tốt, có tường bao, vách ngăn và mái che bằng vật liệu chống cháy; có cửa khóa, có biển cảnh báo chất thải nguy hại, dán mã chất thải theo quy định, có khay hứng đối với CTNH dạng lỏng, có trang bị dụng cụ bảo hộ và bình chữa cháy theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa bằng gỗ có dung tích từ 600-1.000 lít.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: tổng diện tích 1.005 m². Gồm 02 kho (trong đó: 01 kho chứa các loại chất thải như: nhựa, giấy catton, nilong,... và 01 kho chứa các loại chất thải như: sắt, thép,...).

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Khu lưu giữ được bố trí bên cạnh khu nhà xưởng sản xuất, cạnh kho chất thải nguy hại, tường bao quanh bằng tôn, có mái che, nền đổ bê tông, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

2.2.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa khu vực văn phòng, khu vực nhà xưởng, khu vực căng tin, khu vệ sinh và các xe chứa có thể tích 1m³.

- Bao chứa bùn thải sau khi ép của Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.3.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho lưu giữ: 8,6 m², bố trí bên ngoài khu vực xưởng sản xuất.

- Thiết kế, cấu tạo của các kho lưu giữ: có kết cấu mái che kín, có biển báo.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với quản lý chất thải; các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải:

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp

thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, khí thải; thường xuyên theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống xử lý nước thải, khí thải; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

4. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày..... tháng 5 năm 2025 của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định hiện hành.

4. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đấu nối và xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu quy định của Khu công nghiệp Thăng Long.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

